TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C T** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **232**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 22-4-2019
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C T, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Văn Minh

2/ Ông Phạm Thành Trại

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Ngô Hoàng Huy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C T, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C T, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà Lương Thị Trà My - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C T, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: **Bùi Thị D**, sinh năm: 1985

Địa chỉ: ấp L B A, xã L H, huyện C T, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn*: **Huỳnh Tấn T**, sinh năm: 1985

Địa chỉ: ấp L B A, xã L H, huyện C T, tỉnh Tiền Giang.

(Chị D có mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/01/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Thị D trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Huỳnh Tấn T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Hưng, huyện C T, tỉnh Tiền Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẩn. Nguyên nhân mâu thuẩn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T không lo làm ăn nên vợ chồng thường xuyên cải vả. Chị và anh T ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Thị Quỳnh N, sinh ngày 17/6/2008. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Huỳnh Tấn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị D.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ, bị đơn không thực hiện theo quy định của pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D, về con chung giao cháu Huỳnh Thị Quỳnh N, sinh ngày 17/6/2008 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không yêu cầu cấp dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết và nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[**1] – Về tố tụng**: Bị đơn anh Huỳnh Tấn T được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T.

[**2] – Về nội dung yêu cầu:** Chị Bùi Thị D yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Tấn T. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị D, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Chị D và anh T xác lập hôn nhân vào năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là tuân thủ đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Xét thấy, trong quá trình chung sống giữa chị D và anh T đã phát sinh nhiều mâu thuẩn không thể hàn gắn do bất đồng quan điểm, anh T không lo làm ăn nên vợ chồng thường xuyên cải vả. Chị D và anh T đã ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng cũng không đưa ra được giải pháp để hàn gắn. Từ đó nhận thấy mâu thuẩn giữa chị D và anh T đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đối với bị đơn anh Huỳnh Tấn T dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị D, chứng tỏ anh T không có ý định hàn gắn hạnh phúc gia đình, do đó yêu cầu xin ly hôn của chị D là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về con chung: Chị D và anh T có 01 con chung tên Huỳnh Thị Quỳnh N, sinh ngày 17/6/2008. Xét thấy hiện tại cháu N đang sống cùng chị D và nguyện vọng của cháu N là muốn sống cùng chị D. Do đó để đảm bảo ổn định về mặt tâm sinh lý cũng như môi trường sống của cháu, Hội đồng xét xử cần giao cháu N cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết và nợ chung chị D khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện C T tại phiên tòa phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị D phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 80, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị D.

- Chị Bùi Thị D được ly hôn với anh Huỳnh Tấn T.

- Về con chung: Giao cháu Huỳnh Thị Quỳnh N, sinh ngày 17/6/2008 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị D chưa có yêu cầu.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2/ Về án phí: Chị Bùi Thị D phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị D đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009258 ngày 14/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C T, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã nộp xong án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- VKSND huyện C T;
- Chi cục THADS huyện C T;
- UBND xã L H;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Chinh